

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy;

Căn cứ Quyết định số 4426/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng

thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 30/4/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy của Công ty cổ phần đầu tư khai thác khoáng sản Thành Đạt;

Xét Đơn đề ngày 09/5/2025 (kèm theo hồ sơ) của Công ty cổ phần đầu tư khai thác khoáng sản Thành Đạt đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 434/TTr-SNNMT ngày 20/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần đầu tư khai thác khoáng sản Thành Đạt (Mã số Doanh nghiệp: 2803099430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính) cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2023, địa chỉ: Số nhà 06 phố Thắng, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) được khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Diện tích mỏ 21,659 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 có toạ độ xác định tại Phụ lục số 01 và trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất:

- Đối với phần diện tích thuộc lòng sông: đến + 5 m;
- Đối với phần diện tích thuộc bãi sông: đến + 5,5 m.

3. Trữ lượng địa chất cấp 122: 3.048.799 m³, gồm:

- Khoáng sản chính: Cát làm vật liệu xây dựng thông thường: 2.817.031 m³, trong đó: cát đen: 2.367.277 m³, cát vàng: 449.754 m³.

- Khoáng sản đi kèm: đất san lấp và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 231.768 m³, trong đó: Đất san lấp: 172.973 m³, cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 58.795 m³.

4. Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 3.048.799 m³, gồm:

- Khoáng sản chính: Cát làm vật liệu xây dựng thông thường: 2.817.031 m³, trong đó: cát đen: 2.367.277 m³, cát vàng: 449.754 m³.

- Khoáng sản đi kèm: đất san lấp và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 231.768 m³, trong đó: Đất san lấp: 172.973 m³, cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 58.795 m³.

5. Trữ lượng khai thác: 2.942.209 m³, gồm:

- Khoáng sản chính: Cát làm vật liệu xây dựng thông thường: 2.710.441 m³, trong đó: cát đen: 2.277.705 m³, cát vàng: 432.736 m³.

- Khoáng sản đi kèm: đất san lấp và cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 231.768 m³, trong đó: Đất san lấp: 172.973 m³, cuội sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 58.795 m³.

6. Công suất khai thác (ở trạng thái tự nhiên): 100.000 m³/năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

7. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

8. Thời hạn khai thác: 30 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 07 tháng.

9. Thời gian khai thác:

- Thời gian khai thác trong ngày từ 5 giờ đến 19 giờ (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ).

- Thời gian khai thác trong năm: Theo Công văn số 7474/UBND-CN ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định thời gian khai thác trong năm đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa *(phải dừng mọi hoạt động khai thác, kể từ ngày có bản tin của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia báo bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Thanh Hóa cho đến khi bão và áp thấp nhiệt đới tan hoặc khi mực nước sông đạt mức báo động từ cấp 1 trở lên)*.

10. Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần đầu tư khai thác khoáng sản Thành Đạt có trách nhiệm:

a) Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan và các nghĩa vụ tài chính theo quy định;

b) Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

c) Trước khi tiến hành khai thác: Phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện và hoàn thành thủ tục thuê đất khu vực mỏ theo quy định; lập phương án đảm bảo giao thông đường thủy nội địa trình Sở Xây dựng chấp thuận theo quy định của pháp luật hiện hành; đăng ký tên, loại phương tiện, thiết bị được sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi và yêu cầu về đăng ký theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa, pháp luật liên quan; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi hoặc ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi sau khai thác; lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác, dự án khai thác cát, sỏi lòng sông với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát, sỏi; thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

đ) Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện kết nối, truyền thông tin và cung cấp giá bán vật liệu với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường để công bố công khai trên Website do Sở Tài chính quản lý và theo dõi theo quy định.

e) Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; Chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về kê khai, nộp thuế đúng, đủ sản lượng được cấp phép; kê khai giá, niêm yết, công khai giá bán vật liệu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tại mỏ

theo quy định; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thị xã, thành phố, chủ đầu tư các dự án để cung cấp báo giá (giá bán tại mỏ) phục vụ việc lập dự án đầu tư theo quy định; không được từ chối, gây khó khăn trong việc cung cấp giá bán khi có yêu cầu của cơ quan chức năng; ưu tiên việc cung cấp nguồn vật liệu cho các dự án, công trình đầu tư công trên địa bàn khi có yêu cầu.

f) Tuyệt đối không găm hàng, tích trữ, đầu cơ, nâng giá, ép giá, bán với giá cao hơn mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đã kê khai giá được niêm yết, công bố gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và Nhân dân; thực hiện việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ, đúng giá bán cho người dân, doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm việc kê khai giá bán không đúng thực tế, vi phạm các quy định trong hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển khoáng sản.

i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm việc kê khai giá bán không đúng thực tế, vi phạm các quy định trong hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển khoáng sản.

k) Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

m) Thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết; tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan trong việc khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các vi phạm trong quá trình khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ nêu trên.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị

Giao các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Công an tỉnh, Chi cục thuế Khu vực X, UBND huyện Cẩm Thủy và các đơn vị có liên quan căn cứ quy định của pháp luật, chức năng nhiệm vụ, được giao, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tại các văn bản có liên quan, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, giải quyết kịp thời những vấn đề có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ cát nêu trên của Công ty cổ

phần đầu tư khai thác khoáng sản Thành Đạt thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành; trường hợp có dấu hiệu về hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản phải yêu cầu dừng ngay, để khắc phục, giải quyết kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các nội dung tham mưu, giải quyết thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị mình.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty cổ phần đầu tư khai thác khoáng sản Thành Đạt chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ và các tài liệu có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công Thương;
- Công an tỉnh;
- Chi cục thuế Khu vực X;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy;
- Cty CP đầu tư khai thác khoáng sản Thành Đạt;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ CẨM NGỌC, HUYỆN CẨM THỦY**

*(Phụ lục kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực khai thác	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Diện tích 21,659 ha	1	2233 184,20	552 046,70
	2	2233 164,60	552 251,80
	3	2233 064,40	552 461,20
	4	2232 551,90	552 943,60
	5	2232 376,20	552 842,00
	6	2232 551,90	552 602,50
	7	2232 656,60	552 530,30
	8	2232 783,70	552 422,80
	9	2232 870,60	552 329,10
	10	2233 035,30	552 184,20

